

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA - QUAN HỆ DOANH NGHIỆP
THS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN
===  ===



GIÁO TRÌNH
LẬP VÀ PHÂN TÍCH DỰ ÁN
ĐẦU TƯ

VINH, NĂM 2011

= ✍️ =

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA - QUAN HỆ DOANH NGHIỆP

THS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

=== 📖 ===



Tailieu

GIÁO TRÌNH

LẬP VÀ PHÂN TÍCH DỰ ÁN

ĐẦU TƯ

Chủ biên: Ths Nguyễn Thị Hải Yến

VINH, NĂM 2011

= ✍ =

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay, cùng với xu thế phát triển không ngừng của xã hội và chính sách khuyến khích đầu tư làm giàu của Nhà nước ta, ngày càng có nhiều dự án được hình thành và đi vào hoạt động. Một dự án, từ lúc hình thành trong ý tưởng cho đến lúc được thực thi và đi vào hoạt động thường phải trải qua rất nhiều giai đoạn. Trong đó, khâu lập dự án - biến ý tưởng thành hình hài cụ thể bằng những nét chữ và con số rõ ràng được xem là một trong những khâu tối quan trọng, mang tính quyết định đến tính khả thi của dự án. Bởi, nếu một dự án được soạn thảo và phân tích chặt chẽ, lập luận sát đáng thì bao giờ cũng được đánh giá cao hơn. Những nhà đầu tư sáng suốt luôn cân nhắc kỹ lưỡng trước khi bắt tay vào soạn thảo dự án hay thuê một công ty chuyên viết dự án đảm nhận phần này. Và thường thì họ cũng dành một phần công sức và chi phí khá lớn cho khâu này. Nói như thế để chúng ta hiểu hơn về tầm quan trọng của khâu viết dự án. Cho dù ý tưởng của bạn tốt đến đâu, nguồn vốn đầu tư của bạn dồi dào đến đâu mà bản dự án của bạn không thuyết phục, thiếu tính chặt chẽ và khả thi thì coi như dự án đó đã bị bóp chết từ trong trứng nước.

Đứng trước vai trò quan trọng của dự án đối với các công cuộc đầu tư, giáo trình Lập dự án đầu tư được xây dựng dựa trên kiến thức tổng hợp của Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị dự án đầu tư, Marketing, Luật đầu tư,... nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về lập dự án đầu tư phục vụ cho chương trình đào tạo sinh viên từ xa của khối ngành kinh tế Trường Đại học Vinh.

Tham gia biên soạn giáo trình này gồm:

- Ths. Nguyễn Thị Hải Yến, chủ biên, biên soạn các chương I, II và V.
- Ths. Trần Thị Thanh Thủy, biên soạn các chương III, IV và VI.

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, song khó tránh khỏi những hạn chế khiếm khuyết, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp, học viên và độc giả để giáo trình được hoàn thiện hơn.

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC SOẠN THẢO DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐẦU TƯ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	5
1.1. Đầu tư	5
1.1.1. Khái niệm đầu tư.....	5
1.1.2. Bản chất của các loại đầu tư trong phạm vi quốc gia.	6
1.1.2.1. Đầu tư tài chính.	6
1.1.2.2. Đầu tư thương mại.....	7
1.1.2.3. Đầu tư phát triển.....	7
1.1.3. Đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển.....	7
1.1.4. Nguồn vốn cho đầu tư.....	8
1.1.4.1. Khái niệm.....	8
1.1.4.2. Các nguồn huy động vốn đầu tư.	8
1.2. Dự án đầu tư	9
1.2.1. Khái niệm về dự án đầu tư	9
1.2.2. Yêu cầu của một dự án đầu tư.....	10
1.2.3. Quá trình hình thành và thực hiện một dự án đầu tư.	11
1.2.3.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.....	11
1.2.3.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư.....	12
1.2.3.3. Giai đoạn vận hành các kết quả đầu tư.....	12
1.2.4. Công dụng của dự án đầu tư.....	13
1.2.5. Phân loại dự án đầu tư.....	13
1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học.....	14
1.3.1. Đối tượng nghiên cứu.....	14
1.3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của môn học	14
1.3.3. Phương pháp nghiên cứu.....	15
Tóm tắt chương I	16
Câu hỏi ôn tập.....	18
CHƯƠNG II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	19
2.1. Nội dung nghiên cứu dự án đầu tư	19
2.1.1. Nghiên cứu cơ hội đầu tư.....	20
2.1.2. Nghiên cứu tiền khả thi.....	21
2.1.3. Nghiên cứu khả thi.....	22
2.2. Công tác tổ chức soạn thảo dự án đầu tư	28
2.2.1. Mục đích, yêu cầu của công tác lập dự án.....	28
2.2.2. Lập nhóm soạn thảo dự án	29
2.2.3. Lập quy trình soạn thảo dự án.....	29
2.2.4. Phương pháp trình bày một văn bản dự án đầu tư.....	30
Tóm tắt chương II	31
Câu hỏi ôn tập.....	33
PHẦN II. CÁC NỘI DUNG PHÂN TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH LẬP DỰ ÁN ĐẦU TƯ	34
CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	34
3.1. Mục đích, ý nghĩa và yêu cầu của phân tích thị trường dự án đầu tư	34
3.1.1. Mục đích phân tích.....	34
3.1.2. Ý nghĩa phân tích.....	35
3.1.3. Yêu cầu phân tích.....	35

3.2. Nội dung phân tích thị trường dự án đầu tư	36
3.2.1. Đánh giá nhu cầu về sản phẩm - dịch vụ của dự án.	36
3.2.2. Dự báo nhu cầu về sản phẩm hoặc dịch vụ của dự án.	36
3.2.3. Xác định khoảng trống của thị trường hiện tại và thị phần của dự án năm tính toán.....	39
3.2.4. Đánh giá khả năng cạnh tranh và các giải pháp thâm nhập trường đối với sản phẩm hoặc dịch vụ của dự án.....	39
Tóm tắt chương III	45
Câu hỏi ôn tập.....	46
CHƯƠNG IV. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT DỰ ÁN ĐẦU TƯ	47
4.1. Vai trò và yêu cầu của phân tích kỹ thuật dự án đầu tư.....	47
4.1.1 Vai trò của phân tích kỹ thuật dự án đầu tư	47
4.1.2. Yêu cầu của phân tích kỹ thuật dự án đầu tư	48
4.2. Nội dung nghiên cứu kỹ thuật dự án đầu tư	48
4.2.1. Nghiên cứu về đặc điểm sản phẩm hoặc dịch vụ của dự án	48
4.2.2. Xác định công suất của dự án.....	48
4.2.3. Nghiên cứu, lựa chọn phương pháp sản xuất và các thiết bị của dự án.....	50
4.2.4. Phân tích, lựa chọn địa điểm của dự án..	52
4.2.5. Xác định các giải pháp cung cấp đầu vào của dự án..	53
4.2.6. Thiết kế, bố trí và giải pháp thi công công trình đầu tư	55
4.2.7. Đánh giá tác động môi trường của dự án..	55
4.2.8. Lập lịch trình thực hiện dự án.....	56
Tóm tắt chương IV	57
Câu hỏi ôn tập.....	58
CHƯƠNG V. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ	59
5.1. Mục đích, yêu cầu của phân tích tài chính dự án đầu tư	59
5.1.1. Mục đích của phân tích tài chính dự án đầu tư	59
5.1.2. Yêu cầu của phân tích tài chính dự án đầu tư	60
5.2. Giá trị thời gian của tiền và công thức tính chuyển	60
5.2.1. Giá trị thời gian của tiền	60
5.2.2. Biểu đồ dòng tiền tệ.	61
5.2.3. Xác định tỷ suất "r" trong phân tích tài chính dự án đầu tư.....	63
5.2.4. Thành lập các công thức tính chuyển	64
5.2.4.1. Công thức tính chuyển đơn	64
5.2.4.2. Công thức tính chuyển nhiều khoản tiền	65
5.2.4.3. Công thức tính chuyển chuỗi tiền tệ đều	66
5.2.4.4. Công thức tính chuyển chuỗi tiền tệ phát sinh kỳ sau hơn (kém) so với kỳ trước một số lượng không đổi	68
5.3. Nội dung phân tích tài chính dự án đầu tư	69
5.3.1. Xác định tổng vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn	69
5.3.1.1. Xác định tổng vốn đầu tư	69
5.3.1.2. Xác định cơ cấu các nguồn vốn	68
5.3.2. Thiết lập các báo cáo tài chính	72
5.3.3. Các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án đầu tư	75
5.3.3.1. Chỉ tiêu lợi nhuận thuần (W - Worth).....	75
5.3.3.2. Chỉ tiêu thu nhập thuần	76
5.3.3.3. Chỉ tiêu thời gian thu hồi vốn đầu tư T	79
5.3.3.4. Chỉ tiêu tỷ số lợi ích trên chi phí B/C	82

5.3.3.5. Chỉ tiêu hệ số hoàn vốn nội bộ IRR	84
5.3.3.6. Chỉ tiêu điểm hòa vốn	87
5.4. Đánh giá độ an toàn về chính dự án đầu tư	89
5.5. So sánh lựa chọn phương án đầu tư	91
Tóm tắt chương V	92
Câu hỏi ôn tập.....	95
Bài tập.....	96
CHƯƠNG VI. PHÂN TÍCH KINH TẾ - XÃ HỘI DỰ ÁN ĐẦU TƯ	97
6.1. Khái niệm và mục đích phân tích kinh tế - xã hội dự án đầu tư	97
6.2. Phương pháp đánh giá lợi ích kinh tế - xã hội do thực hiện dự án đầu tư.....	98
6.2.1. Đứng trên giác độ vĩ mô.....	98
6.2.2. Đứng trên giác độ vi mô.....	100
6.3. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư xem xét ở tầm vĩ mô	100
6.3.1. Giá trị gia tăng thuần túy NVA	100
6.3.2. Số lao động có việc làm từ dự án và số lao động có việc làm tính trên một đơn vị vốn đầu tư.....	102
6.3.3. Mức giá trị gia tăng phân phối cho các nhóm dân cư và vùng lãnh thổ.....	102
6.3.4. Đóng góp cho ngân sách	103
6.3.5. Tăng thu và tiết kiệm ngoại tệ	103
6.3.6. Khả năng cạnh tranh quốc tế	103
6.3.7. Những tác động khác	104
6.4. Sự giống nhau và khác nhau giữa phân tích tài chính và phân tích kinh tế - xã hội dự án đầu tư.....	104
Tóm tắt chương VI	107
Câu hỏi ôn tập.....	108
TÀI LIỆU THAM KHẢO	109

PHẦN I
TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN VÀ
CÔNG TÁC TỔ CHỨC SOẠN THẢO DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CHƯƠNG I
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐẦU TƯ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chương này gồm các nội dung sau:

1. Lý luận chung về đầu tư.
 - Khái niệm về đầu tư
 - Bản chất của các loại đầu tư trong phạm vi quốc gia
 - Đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển
 - Nguồn vốn cho đầu tư
2. Những lý luận cơ bản về dự án đầu tư
 - Khái niệm về dự án đầu tư
 - Yêu cầu của một dự án đầu tư
 - Quá trình hình thành và thực hiện một dự án đầu tư
 - Công dụng của dự án đầu tư
 - Phân loại dự án đầu tư
3. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của môn học

Mục tiêu chung:

Sau khi học xong chương này anh/chị nắm được những vấn đề lý luận cơ bản với các khái niệm và thuật ngữ liên quan đến đầu tư và dự án đầu tư, quá trình hình thành và thực hiện một dự án đầu tư trước khi đi sâu vào nghiên cứu các nội dung cụ thể về phương pháp luận lập một dự án đầu tư.

Mục tiêu cụ thể:

Sau khi học xong chương I, anh/chị cần nắm vững là:

- Hiểu được như thế nào là đầu tư và đầu tư phát triển.
- Bản chất của các loại đầu tư trong phạm vi quốc gia và ưu nhược điểm của từng loại đầu tư.
- Đặc điểm của đầu tư phát triển là luôn chịu ảnh hưởng của các yếu tố động theo thời gian và điều kiện địa lý của không gian. Điều này giải thích vì sao trước khi thực hiện đầu tư cần phải lập dự án.
- Các nguồn huy động vốn cho đầu tư phát triển.
- Các cách tiếp cận khác nhau về dự án đầu tư và đặc trưng cơ bản của một dự án đầu tư.
- Các giai đoạn của quá trình hình thành và thực hiện một dự án đầu tư, mối quan hệ giữa các giai đoạn đó.
- Các cách phân loại dự án đầu tư, ý nghĩa của việc phân loại dự án đầu tư.

Nội dung

1.1. Đầu tư.

1.1.1. Khái niệm đầu tư.

Thuật ngữ “Đầu tư” tiếng Anh là “Investment” có thể hiểu đồng nghĩa với “sự bỏ ra, sự hi sinh” một nguồn lực để thu được một kết quả tốt. Từ đó có thể quan niệm đầu tư theo nghĩa chung nhất, rộng nhất là sự bỏ ra hoặc sự hi sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu được những kết quả có lợi hơn ở trong tương lai.

Các nguồn lực phải hi sinh ở hiện tại có thể là: tiền, sức lao động, thời gian, tài nguyên thiên nhiên.

* Xét một số tình huống sau:

(1) Một doanh nghiệp bỏ ra 2 tỷ đồng để xây dựng thêm một phân xưởng sản xuất.

(2) Nhân viên một công ty bỏ ra 30 triệu đồng cho việc học đại học hệ vừa học vừa làm trong 3 năm.

(3) Một tiểu thương bỏ ra 500 triệu mua hàng hóa dự trữ cho dịp Tết Nguyên đán sắp tới.

(4) Một công chức nhà nước hàng tháng dành 1 triệu đồng để gửi tiết kiệm.

Tất cả các hành động bỏ tiền để tiến hành các hoạt động trên đều nhằm mục đích chung là thu về một lợi ích nào đó trong tương lai, có thể là lợi ích về: cơ sở vật chất, nâng cao trình độ, bổ sung kiến thức, hay lợi ích về tài chính,... Nếu như xem xét trên góc độ từng cá nhân, hay đơn vị đã bỏ tiền ra thì các hành động này đều được gọi là đầu tư.

Tuy nhiên gửi tiết kiệm, tích trữ hàng hóa không hề làm tăng tài sản cho nền kinh tế, thực chất đó là việc chuyển giao quyền sử dụng tiền và hàng hóa từ chủ thể này sang chủ thể khác nhằm thu về lãi suất tiết kiệm và giá trị hàng hóa gia tăng trong dịp Tết. Giá trị tăng thêm này bằng giá trị mất đi của quỹ tiết kiệm, của người mua hàng.

Các hoạt động bỏ tiền ra để xây dựng phân xưởng sản xuất, để học đại học đều làm tăng thêm các tài sản vật chất, tài sản trí tuệ nguồn lực cho nền kinh tế. Các hoạt động này được gọi là đầu tư phát triển hay đầu tư đứng trên giác độ nền kinh tế.

Vậy đầu tư phát triển là hoạt động đầu tư nhằm duy trì và tạo ra năng lực mới trong sản xuất kinh doanh dịch vụ và sinh hoạt đời sống xã hội. Đây là hình thức đầu tư trực tiếp tạo ra tài sản mới cho nền kinh tế, đơn vị sản xuất và cung ứng dịch vụ. Hình thức đầu tư có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế tại mỗi quốc gia.

Trong hoạt động kinh tế thì đầu tư có thể hiểu một cách cụ thể hơn, mang bản chất kinh tế hơn. Đó là quá trình sử dụng các nguồn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời gian nhất định, nhằm mục tiêu tài chính và lợi ích kinh tế - xã hội. Mục tiêu tài chính được xem như đặc trưng cơ bản nhất của hoạt động đầu tư trong lĩnh vực kinh tế. Ngoài ra nó cũng có những đặc trưng chung như mọi hoạt động đầu tư khác.

1.1.2. Bản chất của các loại đầu tư trong phạm vi quốc gia

Từ bản chất và phạm vi lợi ích do đầu tư đem lại, chúng ta có thể phân biệt các loại đầu tư sau đây:

1.1.2.1. Đầu tư tài chính.

Đầu tư tài chính là hoạt động đầu tư mà người tham gia đầu tư bỏ tiền ra để cho vay hưởng lại suất tiết kiệm, mua các chứng chỉ có giá hưởng lợi tức cổ phần.

Các hoạt động đầu tư tài chính không đem lại tài sản mới cho nền kinh tế (nếu không xét đến quan hệ quốc tế trong lĩnh vực này) mà chỉ làm tăng giá trị tài sản chính của chủ thể đầu tư.

Đầu tư tài chính có ưu điểm là vốn bỏ ra lưu chuyển dễ dàng, khi cần có thể rút nhanh chóng (rút tiết kiệm, bán cổ phiếu, trái phiếu,...), vì vậy khuyến khích người có tiền tham gia đầu tư, đặc biệt là các khoản tiền tạm tạm thời nhàn rỗi ở trong dân.

Đầu tư tài chính là nguồn huy động vốn, nguồn cung cấp tài chính quan trọng cho đầu tư phát triển.

1.1.2.2. Đầu tư thương mại.

Đầu tư thương mại là hoạt động đầu tư mà người có tiền bỏ tiền ra mua hàng hóa và sau đó bán với giá cao hơn để thu lợi nhuận chênh lệch giữa đầu vào và đầu ra.

Nếu không xét đến yếu tố ngoại thương thì loại đầu tư này không tạo ra tài sản mới cho nền kinh tế mà chỉ làm tăng tài sản chính cho người đầu tư trong quá trình mua đi bán lại và chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa.

Đầu tư thương mại có tác dụng thúc đẩy quá trình lưu thông của cải vật chất do đầu tư phát triển tạo ra, từ đó thúc đẩy đầu tư phát triển, tăng tích lũy vốn cho ngân sách, vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ nói riêng và nền sản xuất nói chung.

Chú ý: Đầu cơ trong kinh doanh về bản chất cũng thuộc đầu tư thương mại nhưng bị pháp luật cấm, vì gây ra tình trạng thừa thiếu hàng hóa một cách giả tạo, gây khó khăn cho việc quản lý lưu thông phân phối, gây mất ổn định cho sản xuất kinh doanh, làm tăng chi phí cho người tiêu dùng.

1.1.2.3. Đầu tư phát triển.

Như phần trên đã trình bày, đầu tư phát triển là hoạt động đầu tư nhằm duy trì và tạo ra năng lực mới trong sản xuất kinh doanh dịch vụ và sinh hoạt đời sống xã hội.

Đầu tư phát triển là phương thức đầu tư qua trọng hàng đầu đối với các nước đang phát triển để tái sản xuất mở rộng, tăng thu nhập quốc dân, tạo ra việc làm và tăng thu nhập cho người lao động

1.1.3. Đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển

Một là: Đầu tư là hoạt động sử dụng vốn nhằm mục đích sinh lời. Không thể coi là đầu tư nếu việc sử dụng vốn không nhằm mục đích thu được kết quả lớn hơn số vốn đã bỏ ra ban đầu.

Ngoài mục tiêu hiệu quả tài chính, đầu tư còn mang mục đích giải quyết việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, hoàn thiện cơ cấu ngành nghề, khai thác tài nguyên của quốc gia,... nhằm góp phần làm tăng phúc lợi cho toàn dân.

Hai là: Thời gian kể từ khi bắt đầu công cuộc đầu tư cho đến khi các thành quả phát huy tác dụng đem lại lợi ích kinh tế - xã hội và có thể thu hồi vốn ban đầu thường kéo dài nhiều năm tháng. Thời gian kéo dài đã làm cho rủi ro trong đầu tư cao dưới tác động của với nhiều yếu tố biến động không ổn định về tự nhiên, chính trị, xã hội, kinh tế,... ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của hoạt động đầu tư.

Ba là: Các thành quả của hoạt động đầu tư phát triển có giá trị sử dụng lâu dài, nếu là các công trình xây dựng thì sẽ hoạt động ngay ở nơi mà nó được tạo dựng nên. Do đó, điều kiện về địa lý, địa hình tại đó có ảnh hưởng lớn đến quá trình thực hiện đầu tư và vận hành kết quả đầu tư.

Xuất phát từ các đặc điểm trên, bất cứ một công cuộc đầu tư nào cũng đều chịu ảnh hưởng của các yếu tố động theo thời gian và điều kiện địa lý của không gian. Để đảm bảo cho mọi công cuộc đầu tư phát triển được tiến hành thuận lợi, đạt được mục tiêu mong muốn, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao thì trước khi bỏ vốn, các chủ thể đầu tư đều phải làm tốt công tác chuẩn bị. Có nghĩa là phải xem xét, tính toán toàn diện các khía cạnh kinh tế - kỹ thuật, điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội, pháp lý,...

có liên quan đến quá trình thực hiện và vận hành kết quả đầu tư. Thực chất của sự xem xét và chuẩn bị này chính là lập dự án đầu tư. Có thể nói, dự án đầu tư được soạn thảo tốt là kim chỉ nam, là cơ sở vững chắc, là tiền đề cho việc thực hiện các công cuộc đầu tư đạt hiệu quả kinh tế - xã hội mong muốn.

1.1.4. Nguồn vốn cho đầu tư

1.1.4.1. Khái niệm.

Nguồn vốn đầu tư là thuật ngữ dùng để chỉ các nguồn tập trung và phân phối vốn cho đầu tư phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu chung của nhà nước và của xã hội.

Vốn đầu tư là một nguồn lực quan trọng cho hoạt động đầu tư. Theo nguồn hình thành và mục tiêu sử dụng thì vốn đầu tư là tiền tích lũy của xã hội, của các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, là tiết kiệm của dân và vốn huy động từ các nguồn khác được đưa vào sử dụng trong quá trình tái sản xuất xã hội nhằm duy trì tiềm lực sẵn có và tạo tiềm lực mới cho xã hội.

Định nghĩa một cách ngắn gọn thì vốn đầu tư là toàn bộ chi phí cho hoạt động đầu tư, nhằm đưa dự án vào khai thác và sử dụng.

Vốn đầu tư có thể được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, như:

- Vốn đầu tư bằng tiền: tiền tệ các loại và các chứng chỉ có giá trị như tiền.
- Vốn bằng tài sản hữu hình: đất, tài nguyên, nhà xưởng, tư liệu sản xuất,...
- Vốn đầu tư vô hình: bằng phát minh sáng chế, uy tín thương hiệu, lợi thế,...

1.1.4.2. Các nguồn huy động vốn đầu tư.

Đứng trên góc độ vĩ mô, nguồn hình thành vốn đầu tư phát triển bao gồm nguồn vốn đầu tư trong nước và nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

a. Nguồn vốn đầu tư trong nước.

Nguồn vốn đầu tư trong nước được hình thành từ phân tích lũy của nội bộ nền kinh tế, bao gồm nguồn vốn nhà nước và nguồn vốn khu vực dân doanh.

- Nguồn vốn đầu tư nhà nước.

- Nguồn vốn tích lũy từ ngân sách (chênh lệch từ thu - chi ngân sách): nguồn này thường được sử dụng cho các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, hỗ trợ cho các dự án của các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực cần sự tham gia của nhà nước, chi cho công tác lập và thực hiện các dự án quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ, quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn.

- Nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước: Đây là một hình thức quá độ chuyển từ phương thức cấp phát ngân sách sang phương thức tín dụng đối với các dự án có khả năng thu hồi vốn trực tiếp. Với cơ chế tín dụng, các đơn vị sử dụng nguồn vốn này phải đảm bảo nguyên tắc hoàn trả vốn vay.

- Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước: được xác định là thành phần giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, các doanh nghiệp nhà nước vẫn nắm giữ một khối lượng vốn nhà nước khá lớn. Vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước được hình thành từ nhiều nguồn: vốn ngân sách, vốn khấu hao cơ bản, vốn viện trợ qua ngân sách, vốn tự có của doanh nghiệp, vốn phát hành trái phiếu, vốn vay, vốn góp liên doanh liên kết và các hình thức huy động vốn khác theo luật Doanh nghiệp.

- Nguồn vốn dân doanh.

- Tích lũy từ dân cư: gửi tiết kiệm, huy động thông qua phát hành trái phiếu chính phủ,...

- Vốn từ các doanh nghiệp dân doanh: công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, hợp tác xã,...

Nguồn vốn này được đưa vào quá trình tái sản xuất xã hội thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển. Cùng với quá trình đổi mới và mở cửa, quy mô vốn của khu vực này không ngừng gia tăng.

Xét về lâu dài thì nguồn vốn đảm bảo cho sự tăng trưởng kinh tế một cách liên tục, đưa đất nước đến sự phồn vinh một cách chắc chắn và không phụ thuộc phải là nguồn vốn đầu tư trong nước.

Để huy động được nguồn vốn đầu tư trong nước trước hết phải thực hiện chính sách và biện pháp để phát triển kinh tế, đảm bảo ổn định chính sách tiền tệ của nhà nước nhằm tăng nhanh tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, khuyến khích tiết kiệm.

b. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

Nguồn vốn đầu tư nước ngoài bao gồm:

- Nguồn tài trợ phát triển chính thức (ODF) trong đó ODA chiếm tỷ trọng cơ bản. Nguồn vốn ODA trong quá trình quản lý sử dụng có thể được chuyển vào ngân sách, được đưa vào phân bổ đầu tư của nhà nước, thực hiện các dự án độc lập. Tuy nhiên đứng trên góc độ nguồn hình thành vẫn có thể xem đây là nguồn vốn độc lập và trên thực tế có thể bóc tách được. Ngoài các điều kiện ưu đãi về lãi suất, thời hạn cho vay dài, khối lượng cho vay tương đối lớn, bao giờ trong ODA cũng có yếu tố không hoàn lại. Tuy nhiên hình thức đầu tư này thường gắn với sức ép về chính trị, buộc các nước nhận đầu tư phải chấp nhận một sự ràng buộc với chủ đầu tư. Vì vậy để nhận được loại tài trợ hấp dẫn này với thiệt thòi ít nhất, cần phải xem xét dự án trong điều kiện tài chính tổng thể. Nếu không việc tiếp nhận có thể trở thành gánh nặng nợ nần lâu dài cho nền kinh tế. Điều này hàm ý rằng, ngoài những yếu tố thuộc về nội dung dự án tài trợ, còn cần có nghệ thuật thỏa thuận để vừa có thể nhận vốn, vừa đảm bảo mục tiêu mang tính nguyên tắc.

- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): là hình thức đầu tư trong đó người bỏ vốn và người sử dụng vốn là một chủ thể. Có nghĩa là các cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài khi bỏ vốn sẽ tham gia trực tiếp vào quá trình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, vận hành kết quả đầu tư nhằm thu hồi vốn đã bỏ ra. Nguồn vốn này thường không đủ lớn để giải quyết dứt điểm các vấn đề kinh tế - xã hội của nước tiếp nhận đầu tư và phải chia sẻ lợi ích kinh tế do đầu tư đem lại, nhưng có ưu điểm là không lo trả nợ, dễ dàng có được công nghệ, học tập được kinh nghiệm quản lý, tác phong làm việc theo lối công nghiệp,...

- Nguồn tín dụng từ các ngân hàng thương mại nước ngoài và nguồn huy động thông qua thị trường vốn quốc tế.

1.2. Dự án đầu tư

1.2.1. Khái niệm về dự án đầu tư

Do đặc điểm và sự phức tạp của đầu tư phát triển nên để tiến hành một công cuộc đầu tư cần phải có sự chuẩn bị cẩn thận, kỹ lưỡng và nghiêm túc. Sự chuẩn bị này được thể hiện ở việc soạn thảo các dự án đầu tư, tức là một công cuộc đầu tư phải được thực hiện theo dự án thì mới đạt được hiệu quả mong muốn.

Dự án đầu tư có thể được xem xét từ nhiều góc độ khác nhau:

Về mặt hình thức: Dự án đầu tư là một tập hồ sơ tài liệu trình bày một cách chi tiết và có hệ thống các hoạt động và chi phí theo một kế hoạch để đạt được những kết quả và mục tiêu nhất định trong tương lai.

Về mặt nội dung: Dự án đầu tư là tổng thể các hoạt động và chi phí cần thiết, được bố trí theo một kế hoạch chặt chẽ với lịch thời gian và địa điểm xác định để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm thực hiện những mục tiêu nhất định trong tương lai.

Trên góc độ quản lý: Dự án đầu tư là một công cụ quản lý việc sử dụng vốn, vật tư, lao động để tạo ra các kết quả kinh tế - xã hội trong thời gian dài.

Trên góc độ kế hoạch hóa: Dự án đầu tư là công cụ thể hiện kế hoạch một cách chi tiết của công cuộc đầu tư sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế xã hội, làm tiền đề cho các quyết định đầu tư và tài trợ sau này.

Theo luật đầu tư năm 2005: “Dự án đầu tư là tập hợp các đề xuất bỏ vốn trung và dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định”.

Như vậy, dù có nhiều cách tiếp cận khác nhau, việc xác định một dự án đầu tư cũng phải bao gồm những thành phần chính sau:

(1) Mục tiêu của dự án:

- Mục tiêu trước mắt: đó là những mục tiêu cụ thể mà dự án phải đạt được trong khuôn khổ thời gian nhất định, bằng việc sử dụng các nguồn lực xác định.

- Mục tiêu lâu dài: còn gọi là mục tiêu phát triển, đó là những tác động tích cực đối với nền kinh tế - xã hội của đất nước do việc thực hiện dự án đầu tư mang lại.

(2) Các kết quả của dự án: Để đạt được những mục tiêu trên, dự án cần đạt được các kết quả cụ thể, có thể định lượng được, nó được tạo ra từ các hoạt động khác nhau của dự án (ví dụ: nhà xưởng, máy móc, thiết bị,...)

(3) Các hoạt động của dự án: Những hoạt động của dự án nhằm đạt được các kết quả nhất định. Hoạt động của dự án, cùng với thời gian biểu và trách nhiệm cụ thể của các bộ phận thực hiện dự án sẽ tạo thành kế hoạch làm việc của dự án.

(4) Các nguồn lực của dự án: về vật chất, tài chính và con người cần thiết để tiến hành các hoạt động của dự án. Giá trị hoặc chi phí của các nguồn lực này chính là vốn đầu tư cần cho dự án.

Trong các thành phần trên thì các kết quả được coi là cột mốc đánh dấu tiến độ của dự án. Vì vậy, trong quá trình thực hiện dự án phải thường xuyên theo dõi đánh giá các kết quả đạt được. Những hoạt động nào có liên quan trực tiếp đối với việc tạo ra các kết quả được coi là hoạt động chủ yếu phải được đặc biệt quan tâm.

1.2.2. Yêu cầu của một dự án đầu tư.

Một dự án đầu tư mang tính khả thi khi đáp ứng được các yêu cầu cơ bản sau:

- **Tính khoa học:** Để đảm bảo yêu cầu này đòi hỏi người xây dựng dự án phải có một quá trình nghiên cứu tỉ mỉ, tính toán thận trọng và chính xác từng nội dung dự án, đặc biệt là các nội dung về kỹ thuật công nghệ, tài chính, thị trường sản phẩm và dịch vụ, tức là phải dựa vào các kỹ thuật phân tích lợi ích - chi phí.

- **Tính thực tiễn:** Yêu cầu từng nội dung dự án phải được nghiên cứu và xác định trên cơ sở những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể có liên quan trực tiếp và gián tiếp tới hoạt động đầu tư.

- **Tính pháp lý:** đây là yêu cầu nhằm đảm bảo sự an toàn cho quá trình hoạt động đầu tư. Vì thế người soạn thảo dự án phải dựa trên cơ sở pháp lý vững chắc, đó là

phải nghiên cứu đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cùng các văn bản pháp quy có liên quan đến hoạt động đầu tư.

- **Tính thống nhất:** Yêu cầu dự án được xây dựng phải tuân thủ các quy định chung của các cơ quan chức năng về hoạt động đầu tư, đó là quy trình lập dự án, các thủ tục, quy định về đầu tư.

1.2.3. Quá trình hình thành và thực hiện một dự án đầu tư

Quá trình hình thành và thực hiện một dự án đầu tư bao giờ cũng trải qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư (soạn thảo dự án đầu tư)
- Giai đoạn thực hiện đầu tư
- Giai đoạn vận hành các kết quả đầu tư (sản xuất - kinh doanh - dịch vụ)

Nội dung các bước công việc ở mỗi giai đoạn của từng dự án không giống nhau, tùy thuộc vào nhiều tổ khác nhau như: Lĩnh vực đầu tư, tính chất sản xuất, đầu tư dài hạn hay đầu tư ngắn hạn,... Tuy nhiên các bước công việc, các nội dung nghiên cứu ở các giai đoạn được tiến hành tuần tự nhưng không biệt lập mà gối đầu, bổ sung cho nhau nhằm nâng cao dần mức độ chính xác của các kết quả nghiên cứu và tạo thuận lợi cho việc tiến hành ở các bước tiếp theo.

1.2.3.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư

Giai đoạn chuẩn bị đầu tư bao gồm các bước công việc sau:

- Nghiên cứu phát hiện các cơ hội đầu tư
- Nghiên cứu tiền khả thi sơ bộ lựa chọn dự án
- Nghiên cứu khả thi
- Đánh giá và ra quyết định (Thẩm định dự án)

Giai đoạn chuẩn bị đầu tư tạo tiền đề và quyết định đến sự thành công hay thất bại của hai giai đoạn sau, đặc biệt là đối với giai đoạn vận hành kết quả đầu tư.

Ví dụ 1: Dự án phát triển chăn nuôi bò sữa của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang thí điểm ở xã Nhã Nam (Tân Yên): Sau một năm thực hiện dự án việc chăn nuôi bước đầu đạt hiệu quả, bò đã cho sữa với chất lượng khá. Đáng tiếc là vắt sữa xong, người dân không biết bán cho ai, bởi ở Bắc Giang không có bất kỳ điểm thu mua sữa tập trung nào. Người dân chỉ còn cách bán lẻ cho người dân trong vùng, song lượng sữa tiêu thụ được rất ít, trong khi bà con không có phương tiện bảo quản nên không ít người phải đổ sữa đi. Một số nhà tiệt của nên đã lặn lội mang sữa xuống tận xã Phù Đổng để tiêu thụ. Song tiền bán sữa thu về không thể bù lại chi phí vận chuyển, chưa kể các khoản đầu tư khác, do vậy bà con nhanh chóng chán nản. Sau hai năm chật vật tìm đầu ra cho sữa, quá thất vọng, nhiều hộ đã bỏ bê đàn bò, những con bò béo tốt nhanh chóng gầy còm, ốm yếu. Những đồng cỏ voi xanh tốt, cao quá đầu người cũng không có ai cắt. Đầu tư vốn lớn, bao nhiêu công sức bỏ ra chăm sóc đàn bò, nhưng cuối cùng dự án đã bị phá sản

Ví dụ 2: Dự án Nhà máy và bột giấy tại KCN Sông Hậu - Hậu Giang được đặt ở vùng trũng nhất khu vực nên rất khó rửa trôi một khối lượng xút lớn được đổ ra môi trường hàng năm. Nếu chúng bị đổ ra sông Hậu và biển thì sẽ hủy hoại nguồn lợi thủy sản ở sông và biển ở phía Nam, đồng thời ảnh hưởng rất lớn tới việc nuôi trồng thủy sản ở khu vực ĐBSCL. Dự án sử dụng 80% nguyên liệu là giấy phế liệu nhập từ nước ngoài để sản xuất, các nhà môi trường khuyến cáo sẽ xảy ra hai khả năng: Việt Nam lại vẫn là địa điểm tiếp nhận phế thải của các nước trong khu vực, đẩy toàn bộ ô nhiễm môi trường cho người dân; thứ hai, việc tiếp nhận lượng phế thải đó cũng rất bất bênh,

không ổn định khi các nước trong khu vực có kế hoạch tái chế. Ngoài ra, Với quy mô và nhu cầu đầu vào của nguyên liệu thì khả năng tranh chấp với các loại cây trồng khác là khó tránh khỏi.

Do đó, đối với giai đoạn chuẩn bị đầu tư, vấn đề chất lượng, vấn đề chính xác của các kết quả nghiên cứu, tính toán và dự toán là quan trọng nhất.

Tổng chi phí cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư chiếm từ 0,5% đến 15% vốn đầu tư của dự án. Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư sẽ tạo tiền đề cho việc sử dụng tốt 85% - 99,5% vốn đầu tư của dự án ở giai đoạn thực hiện đầu tư (đúng tiến độ, không phải phá đi làm lại, tránh được những chi phí không cần thiết khác...). Điều này cũng tạo cơ sở cho quá trình hoạt động của dự án được thuận lợi, nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư và có lãi (đối với các dự án sản xuất kinh doanh), nhanh chóng phát huy hết năng lực phục vụ dự kiến (đối với các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và dịch vụ xã hội).

1.2.3.2. Giai đoạn thực hiện đầu tư

Giai đoạn thực hiện đầu tư bao gồm các bước công việc sau:

- Hoàn tất các thủ tục để triển khai thực hiện đầu tư
 - Xin giao đất và thuê đất (đối với những dự án có sử dụng đất)
 - Xin cấp giấy phép xây dựng và giấy phép khai thác tài nguyên (nếu có)
 - Thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, thực hiện kế hoạch tái định cư và phục hồi (đối với những dự án có yêu cầu tái định cư và phục hồi); chuẩn bị mặt bằng xây dựng (nếu có),...
- Thiết kế và lập dự toán thi công xây lắp công trình.
 - Thực hiện việc khảo sát thiết kế xây dựng.
 - Thẩm định phê duyệt thiết kế và tổng dự toán;
- Thi công xây lắp công trình
 - Tiến hành thi công xây lắp;
 - Mua sắm trang thiết bị;
 - Chuyển giao công nghệ (nếu có);
 - Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng
 - Kiểm tra chất lượng xây dựng và chất lượng thiết bị, công nghệ;
- Chạy thử và nghiệm thu sử dụng: vận hành thử, nghiệm thu, quyết toán, bàn giao và làm hợp đồng bảo hành,...

Giai đoạn thực hiện đầu tư thì sự nghiên cứu để đưa ra những quyết định thận trọng, chính xác vẫn vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, trong giai đoạn này có 85% - 99,5% vốn đầu tư của dự án được chi ra nên vấn đề thời gian, tiến độ thực hiện phải được quan tâm hàng đầu. Nếu thời gian thực hiện kéo dài, không đảm bảo đúng tiến độ, gây ứ đọng vốn (vốn không sinh lãi), chưa kể những tổn thất to lớn, khó lường do thời tiết gây ra. Chẳng hạn, do tiến độ thi công chậm, mùa mưa đến, công việc xây dựng khó khăn và tốn kém hơn. Do đó nguồn vốn chủ đầu tư cho xây dựng cơ bản tăng và làm nâng giá thành sản phẩm một cách gián tiếp.

1.2.3.3. Giai đoạn vận hành các kết quả đầu tư.

Giai đoạn vận hành các kết quả đầu tư bao gồm các bước công việc sau:

- Nghiệm thu, bàn giao công trình;
- Thực hiện việc kết thúc xây dựng công trình
- Hướng dẫn sử dụng công trình, vận hành công trình (bao gồm giai đoạn sử dụng chưa hết công suất, sử dụng hết công suất)

- Bảo hành công trình
- Quyết toán vốn đầu tư;
- Phê duyệt quyết toán
- Thu hồi và hoàn trả vốn đầu tư.

Vận hành các kết quả đầu tư nhằm đạt được các mục tiêu của dự án. Nếu các kết quả do giai đoạn thực hiện đầu tư tạo ra đảm bảo tính đồng bộ, giá thành thấp, chất lượng tốt, đúng tiến độ, tại địa điểm thích hợp, với quy mô tối ưu thì hiệu quả trong hoạt động của các kết quả này và mục tiêu của dự án chỉ còn phụ thuộc trực tiếp vào quá trình tổ chức quản lý hoạt động các kết quả đầu tư. Làm tốt các công việc của giai đoạn chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức quản lý phát huy tác dụng của các kết quả đầu tư.

Thời gian phát huy tác dụng của các kết quả đầu tư là đời của dự án hay tuổi thọ kinh tế của công trình, nó gắn với đời sống của sản phẩm do dự án tạo ra trên thị trường.

1.2.4. Công dụng của dự án đầu tư

1.2.4.1. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước và các định chế tài chính

Dự án đầu tư là cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các biện pháp thẩm tra, quản lý để cấp giấy chứng nhận đầu tư, ra quyết định đầu tư, quyết định vốn tài trợ cho dự án.

1.2.4.2. Đối với chủ đầu tư

- Dự án đầu tư là căn cứ quan trọng nhất để quyết định bỏ vốn đầu tư.
- Là căn cứ để nhà đầu tư triển khai hoạt động đầu tư và đánh giá hiệu quả của dự án
- Dự án đầu tư là cơ sở để xin phép được đầu tư và cấp giấy phép hoạt động.
- Dự án đầu tư là cơ sở để xin phép nhập khẩu máy móc thiết bị, xin hưởng các khoản ưu đãi trong đầu tư.
- Dự án đầu tư là phương tiện để tìm đối tác trong và ngoài nước liên doanh bỏ vốn đầu tư.
- Dự án đầu tư là phương tiện thuyết phục các tổ chức tài chính tiền tệ trong và ngoài nước tài trợ hoặc cho vay vốn.
- Dự án đầu tư là căn cứ quan trọng để xem xét giải quyết các mối quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên tham gia liên doanh đầu tư.

1.2.5. Phân loại dự án đầu tư

Có thể phân loại dự án đầu tư theo các tiêu thức sau:

1.2.5.1. Theo tính chất và nguồn vốn đầu tư

- Dự án bằng nguồn vốn tập trung ngân sách nhà nước.
- Dự án bằng vốn tín dụng đầu tư phát triển
- Dự án bằng vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh
- Dự án bằng nguồn vốn tự có của đơn vị.
- Dự án hỗn hợp.

1.2.5.2. Theo tính chất và quy mô của dự án đầu tư

- Đối với dự án đầu tư trong nước được chia thành 4 nhóm: dự án quan trọng quốc gia (do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư), dự án nhóm A, dự án nhóm B và dự án nhóm C.

- Đối với dự án đầu tư nước ngoài được chia thành 3 nhóm: dự án nhóm A, dự án nhóm B và dự án phân cấp cho các địa phương.

1.2.5.3. Theo trình tự đầu tư: dự án có hai loại

- Dự án tiền khả thi (dự án sơ bộ): được lập cho những dự án có quy mô đầu tư lớn, giải pháp phức tạp và thời gian đầu tư dài. Do đó không thể nghiên cứu tính toán ngay dự án khả thi mà phải qua nghiên cứu sơ bộ, lập dự án sơ bộ.

- Dự án khả thi (luận chứng kinh tế kỹ thuật hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật): là dự án được xây dựng chi tiết, các giải pháp được tính toán có căn cứ và mang tính hợp lý.

1.2.5.4. Căn cứ vào mối quan hệ giữa các hoạt động đầu tư.

- Dự án xung khắc (loại bỏ lẫn nhau): là những dự án không thể tiến hành đồng thời hay nói cách khác đó là những dự án có cùng mục tiêu, nhưng cách thức thực hiện khác nhau. Nếu hai dự án là loại trừ nhau thì khi quyết định thực hiện dự án này sẽ loại bỏ việc thực hiện dự án kia.

- Dự án độc lập với nhau: là những dự án có thể tiến hành đồng thời, là các dự án không cùng mục tiêu, việc quyết định lựa chọn dự án này không ảnh hưởng đến việc lựa chọn những dự án còn lại.

- Dự án phụ thuộc (bổ sung): là dự án mà khi thực hiện dự án này đồng thời phải thực hiện dự án kia và ngược lại.

Ngoài ra trong thực tế, để đáp ứng yêu cầu quản lý và nghiên cứu kinh tế, người ta còn phân chia dự án theo nhiều tiêu thức khác.

1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học.

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Môn học lập dự án đầu tư bắt đầu từ việc xem xét các vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển, về dự án đầu tư. Trên cơ sở đó, đi sâu vào xem xét trình tự và các nội dung cần nghiên cứu trong quá trình soạn thảo dự án đầu tư; xem xét công tác soạn thảo dự án đầu tư; nghiên cứu nội dung, phương pháp phân tích, đánh giá các khía cạnh của dự án ở giai đoạn nghiên cứu khả thi:

- Nghiên cứu các điều kiện vĩ mô ảnh hưởng đến sự hình thành và thực hiện dự án đầu tư.

- Nghiên cứu thị trường dự án đầu tư

- Nghiên cứu kỹ thuật dự án đầu tư

- Nghiên cứu tài chính dự án đầu tư

- Nghiên cứu kinh tế - xã hội của dự án đầu tư.

1.3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của môn học

Lập dự án đầu tư có nhiệm vụ trang bị những kiến thức cơ bản cho người học cơ sở khoa học của phương pháp luận về lập một dự án đầu tư, hiệu quả kinh tế của hoạt động đầu tư.

Giúp người học nắm bắt được các khái niệm, cách phân loại hoạt động đầu tư và dự án đầu tư, nguồn vốn đầu tư, nội dung, yêu cầu và trình tự tiến hành soạn thảo

một dự án đầu tư. Những kiến thức về quản lý hoạt động đầu tư, đánh giá hiệu quả của một dự án đầu tư trong phạm vi từng doanh nghiệp cũng như quản lý vĩ mô.

1.3.3. Phương pháp nghiên cứu.

Lập dự án đầu tư cũng như các môn khoa học kinh tế khác, môn học sử dụng pháp biện chứng duy vật là cơ sở phương pháp luận, ngoài ra sử dụng các phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp lôgic, phương pháp tổng hợp, so sánh,...trong quá trình nghiên cứu.

Tailieu.vn

TÓM TẮT CHƯƠNG I

1. Đầu tư sự bỏ ra hoặc sự hi sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu được những kết quả có lợi hơn ở trong tương lai.

Đầu tư phát triển là hoạt động đầu tư nhằm duy trì và tạo ra năng lực mới trong sản xuất kinh doanh dịch vụ và sinh hoạt đời sống xã hội.

2. Bản chất của các loại đầu tư trong phạm vi quốc gia

- Đầu tư tài chính: là hoạt động đầu tư mà người tham gia đầu tư bỏ tiền ra để cho vay hưởng lại suất tiết kiệm, mua các chứng chỉ có giá hưởng lợi tức cổ phần.

- Đầu tư thương mại: là hoạt động đầu tư mà người có tiền bỏ tiền ra mua hàng hóa và sau đó bán với giá cao hơn để thu lợi nhuận chênh lệch giữa đầu vào và đầu ra.

- Đầu tư phát triển.

3. Đặc điểm của hoạt động đầu tư phát triển

- Đầu tư là hoạt động sử dụng vốn nhằm mục đích sinh lời.

- Thời gian kể từ khi bắt đầu công cuộc đầu tư cho đến khi các thành quả phát huy tác dụng thường kéo dài nhiều năm tháng.

- Các thành quả của hoạt động đầu tư phát triển thường chịu ảnh hưởng nhiều về điều kiện địa lý, địa hình,...nơi nó được tạo dựng nên

4. Nguồn vốn cho đầu tư

Vốn đầu tư là một nguồn lực quan trọng cho hoạt động đầu tư. Đúng trên góc độ vĩ mô, nguồn hình thành vốn đầu tư phát triển bao gồm nguồn vốn trong nước và nguồn vốn nước ngoài.

Xét về lâu dài thì nguồn vốn đảm bảo cho sự tăng trưởng kinh tế một cách liên tục, đưa đất nước đến sự phồn vinh một cách chắc chắn và không phụ thuộc phải là nguồn vốn đầu tư trong nước.

5. Dự án đầu tư có thể được xem xét từ nhiều góc độ khác nhau

- Về mặt hình thức
- Về mặt nội dung
- Trên góc độ quản lý.
- Trên góc độ kế hoạch hóa

6. Những thành phần chính của một dự án đầu tư: Mục tiêu của dự án, các kết quả của dự án, các hoạt động của dự án, các nguồn lực của dự án

7. Quá trình hình thành và thực hiện một dự án đầu tư qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư (soạn thảo dự án đầu tư)
- Giai đoạn thực hiện đầu tư
- Giai đoạn vận hành các kết quả đầu tư (sản xuất - kinh doanh - dịch vụ)

Các giai đoạn này được tiến hành tuần tự và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không biệt lập mà đan xen, gối đầu cho nhau.

8. Phân loại dự án đầu tư theo các tiêu thức

- Theo tính chất và nguồn vốn đầu tư
- Theo tính chất và quy mô của dự án đầu tư

- Theo trình tự đầu tư
- Theo mối quan hệ giữa các hoạt động đầu tư

Việc phân loại trên nhằm phục vụ cho công tác quản lý, nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư.

9. Lập dự án đầu tư là môn khoa học kinh tế nghiên cứu các vấn đề phương pháp luận về lập dự án đầu tư phát triển.

Tailieu.vn

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Khái niệm về đầu tư và đầu tư phát triển?
2. Nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển?
3. Sự cần thiết phải tiến hành các hoạt động đầu tư theo dự án?
4. Bản chất của các loại đầu tư trong phạm vi quốc gia và ưu nhược điểm của từng loại đầu tư.
5. Trình bày vai trò, mối quan hệ giữa nguồn vốn trong nước và nước ngoài trong việc huy động vốn cho đầu tư phát triển. Lấy thực tiễn ở Việt Nam để minh chứng?
6. Phân tích mối quan hệ giữa các giai đoạn của quá trình hình thành và thực hiện một dự án đầu tư? Cho ví dụ minh họa.
7. Trong các giai đoạn của quá trình hình thành và thực hiện một dự án đầu tư, giai đoạn nào là quan trọng nhất? Hãy phân tích và cho ví dụ minh họa?
8. Mối quan hệ giữa phân loại dự án và công tác quản lý dự án đầu tư?